

CỘNG ĐỒNG VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI Ở TÂY NGUYÊN VIỆT NAM

Nguyễn Chí Bền*

Tóm tắt: Vùng văn hóa Tây Nguyên, Việt Nam là một vùng văn hóa có nhiều đặc thù. Về di sản văn hóa, Không gian văn hóa cồng chiêng Tây Nguyên đã được UNESCO đưa vào Danh mục các di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại năm 2005/2008. Nhưng Tây Nguyên còn có nhiều di sản văn hóa vật thể và phi vật thể tiêu biểu khác. Đồng thời, Tây Nguyên thuận lợi cho phát triển du lịch sinh thái. Với 11 dân tộc tại chỗ: thuộc ngữ hệ Nam Á gồm các dân tộc Ba Na, Brâu, Cơ Ho, Giê Triêng, Mạ, Mơ Nông, Rơ Măm, Xơ Đăng; thuộc ngữ hệ Nam Đảo (Malayo Polynesia) gồm các dân tộc Ê Đê, Gia Rai, Chu Ru; cộng đồng dân cư nơi đây có nhiều nét đặc thù về cơ cấu tổ chức, sự vận hành v.v... Bước đầu tham luận phân tích vai trò cộng đồng trong phát triển du lịch sinh thái ở Tây Nguyên: người giới thiệu thiên nhiên hoang sơ của vùng cao nguyên, hệ động thực vật của vùng Tây Nguyên, trình diễn các thành tố của Không gian văn hóa cồng chiêng Tây Nguyên (múa xoang, đánh chiêng, chỉnh chiêng v.v...), biểu diễn các nhạc cụ đậm chất Tây Nguyên như đàn tơ rưng, klong pút, tổ chức đua voi v.v... Trên cơ sở ấy, bài viết trình bày một số khuyến nghị để nâng cao vai trò cộng đồng trong phát triển du lịch sinh thái ở Tây Nguyên, Việt Nam.

Từ khóa: Cộng đồng, du lịch sinh thái, Tây Nguyên.

Mở

Du lịch sinh thái đang là một hướng phát triển của du lịch Việt Nam. Trong các vùng kinh tế-văn hóa của Việt Nam, vùng Tây Nguyên có nhiều đặc thù. Với 11 dân tộc tại chỗ: thuộc ngữ hệ Nam Á gồm các dân tộc Ba Na, Brâu, Cơ Ho, Giê Triêng, Mạ, Mơ Nông, Rơ Măm, Xơ Đăng; thuộc ngữ hệ Nam Đảo (Malayo Polynesia) gồm các dân tộc Ê Đê, Gia Rai, Chu Ru; cộng đồng dân cư nơi đây có nhiều nét đặc thù về cơ cấu tổ chức, sự vận hành v.v..., với một kho tàng di sản văn hóa, cả vật thể lẫn phi vật thể giàu có về giá trị, phong phú về loại hình, đa dạng về chủ thể sáng tạo, không thể không quan tâm đến vai trò của cộng đồng. Và lại, chính du lịch sinh thái lại là hướng phát triển du lịch đòi hỏi vai trò của cư dân địa phương. Bước đầu, tác giả bài viết, từ đặc thù của vùng, yêu cầu của du lịch sinh thái, thực trạng nêu một số vấn đề cần trao đổi để nâng cao vai trò của cộng đồng

các dân tộc Tây Nguyên trong phát triển du lịch sinh thái ở Tây Nguyên, Việt Nam.

Tây Nguyên - vùng thiên nhiên, văn hóa đặc thù và du lịch sinh thái

Nói đến Tây Nguyên là nói đến vùng đất gồm 5 tỉnh: Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông và Lâm Đồng, diện tích tự nhiên 54.638,4km², chiếm 16, 8% diện tích cả nước, dân số 5.842.681 người, là một trong bảy vùng kinh tế - sinh thái của Việt Nam hiện nay. Phía bắc giáp tỉnh Quảng Nam, phía đông giáp các tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, phía nam giáp các tỉnh Đồng Nai, Bình Phước, phía tây giáp các tỉnh Attapeu (Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào), Ratanakiri, Monduliri (Vương quốc Campuchia), vùng Tây Nguyên có 5 thành phố (Buôn Ma Thuột, Pleiku, Đà Lạt, Kon Tum, Bảo Lộc), 4 thị xã (An Khê, Ayun Pa, Buôn Hồ, Gia Nghĩa) và 52 huyện.

Có thể có nhiều cách phân vùng văn hóa Việt Nam, nhưng tôi xin chọn cách phân vùng

* GS.TS. Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam.

văn hóa Việt Nam của GS. Trần Quốc Vượng và các cộng sự trong giáo trình *Cơ sở văn hóa Việt Nam* (1). Tây Nguyên là một vùng văn hóa trong 6 vùng văn hóa ở Việt Nam, nhưng là một vùng văn hóa có nhiều đặc thù. Về di sản văn hóa, Tây Nguyên có *Không gian văn hóa cồng chiêng Tây Nguyên* được UNESCO công nhận là Kiệt tác di sản truyền miệng và phi vật thể của nhân loại vào ngày 25-11-2005 và khi Công ước bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể năm 2003 của UNESCO có hiệu lực vào năm 2008 thì *Không gian văn hóa cồng chiêng Tây Nguyên* được UNESCO chuyển vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại đợt đầu tiên, không qua kỳ họp xét của Ủy ban liên chính phủ theo Công ước năm 2003 của UNESCO. *Không gian văn hóa cồng chiêng Tây Nguyên* có giá trị nổi bật ngang tầm kiệt tác sáng tạo của nhân loại bởi cồng chiêng là sức mạnh tinh thần, là sáng tạo của cộng đồng, là hàng hóa được các dân tộc thiểu số tại chỗ mua từ Lào, Campuchia, của người Kinh ở dưới xuôi đem về nhưng được các nghệ nhân “chỉnh chỉnh” sáng tạo, chế tác thành nhạc cụ, sắp xếp thành dàn nhạc theo từng tộc người. Nghệ nhân chỉ trình diễn chiêng trong những hoàn cảnh nhất định. Mỗi tộc người có một hệ thống bài bản cồng chiêng gắn với các hệ thống nghi lễ vòng đời người, chu kỳ vòng đời cây trồng và các nghi lễ văn hóa tâm linh. Khi trình diễn, phần lớn các tộc người có múa xoang (2). Cùng với *Không gian văn hóa cồng chiêng Tây Nguyên*, nói đến di sản văn hóa phi vật thể ở Tây Nguyên, không thể không nhắc đến những tác phẩm mà xưa nay các nhà nghiên cứu văn học, văn hóa dân gian Việt Nam quen gọi trường ca hay gần đây gọi sử thi mà người Ba Na gọi là *Hơ a mon*, người Gia Rai gọi là *Hơ ri*, người Ê Đê gọi là *Khan* v.v... Nửa đầu thế kỷ XX, khan *Đăm San* của người Ê Đê đã được dịch ra tiếng Pháp và công bố ở Pháp. Kho tàng luật tục của các dân tộc thiểu số tại đây cũng giàu có về số lượng tác phẩm và giá

trị. Nhạc cụ của các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên cũng rất đa dạng loại hình, cách sử dụng và giá trị. Đáng lưu ý, kết quả nghiên cứu của các nhà khảo cổ học Việt Nam và quốc tế gần đây đã khẳng định Thị xã An Khê của tỉnh Gia Lai là nơi mở đầu lịch sử loài người tại Việt Nam, có niên đại cách ngày nay 800.000 năm, một trong những cái nôi cổ xưa nhất trong lịch sử phát triển loài người trên thế giới. Đồng thời, đến nay, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã xếp hạng 60 di tích của 5 tỉnh Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, và Lâm Đồng là di tích lịch sử - văn hóa và cách mạng cấp quốc gia.

Cùng di sản văn hóa, thiên nhiên Tây Nguyên có nhiều đặc thù. Nói Tây Nguyên là nói đến những cao nguyên có nhiều hồ đẹp đẽ, thơ mộng. Tỉnh Kon Tum có hồ Đak Ke, hồ Toong Đam ở huyện Măng Đen v.v..., tỉnh Gia Lai có hồ T'Nưng (Biển Hồ), tỉnh Đắk Lắk có hồ Lắk, hồ Ea Kao v.v..., tỉnh Đắk Nông có hồ Tây Đăk Mil, hồ Đăk Rông v.v..., tỉnh Lâm Đồng có hồ Xuân Hương, hồ Tuyền Lâm v.v... Trên các sông của Tây Nguyên, có nhiều thác hùng vĩ, hoành tráng và hấp dẫn khách du lịch. Có thể kể tới thác Đak Chè thuộc tỉnh Kon Tum, thác YaLy thuộc hai tỉnh Kon Tum, Gia Lai, thác Xung Khoeng, thác Phú Cường thuộc tỉnh Gia Lai, thác Thủy Tiên thuộc tỉnh Đắk Lắk, thác Dray Nu, thác Dray Sap thuộc tỉnh Đắk Nông, thác Pem, CamLy thuộc tỉnh Lâm Đồng.

Mặt khác, Tây Nguyên có 06 khu vườn quốc gia: 1/ Vườn quốc gia Chư Mon Ray nằm trong địa phận của hai huyện Sa Thầy và Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum được đánh giá là khu vườn có nguồn tài nguyên thiên nhiên đa dạng sinh học lớn nhất Việt Nam, ở đây có tới 12 kiểu thảm thực vật rừng, 1895 loài thực vật, 48 loài có tên trong Sách đỏ Việt Nam, 63 loài có tên trong Sách đỏ thế giới; 2/ Vườn quốc gia Kon Ka Kinh thuộc địa bàn các huyện K'Bang, Đăk Đoa và Mang Yang, tỉnh

Gia Lai được Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á công nhận là Di sản ASEAN. Bởi hệ thực vật vườn quốc gia Kon Ka Kinh khá phong phú và đa dạng, phần lớn là rừng nguyên sinh, có 34 loài quý hiếm, có giá trị bảo tồn nguồn gen và nghiên cứu khoa học, hệ động vật rừng có 38 loài thú quý hiếm, có giá trị bảo tồn nguồn gen và nghiên cứu khoa học được ghi trong sách đỏ Việt Nam và thế giới; 3/ Vườn quốc gia Yok Đôn, tỉnh Đắk Lắk được xếp loại A trong các khu rừng có tầm quan trọng quốc tế về đa dạng sinh học, bởi vườn quốc gia York Đôn là nơi trú ngụ của một số loài động vật nguy cấp mang tính toàn cầu, rừng khộp vùng đất thấp; 4/ Vườn quốc gia Chư Yang Sin tỉnh Đắk Lắk có nhiều loại thảm thực vật khác nhau tiêu biểu cho các khí hậu từ nhiệt đới đến á nhiệt đới, là khu rừng nguyên sinh cổ xưa còn lại ở Việt Nam, mẫu chuẩn cho hệ sinh thái Tây Nguyên đa dạng; 5/ Vườn quốc gia Bidoup - Núi Bà nằm trên địa bàn huyện Lạc Dương, và một phần huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng, năm 2015, vườn quốc gia này là một phần Khu dự trữ sinh quyển Langbiang mà UNESCO công nhận, hệ thực vật có những loài đặc hữu và quý hiếm, cũng là nơi sinh sống của những loài động vật quý hiếm; 6/ Vườn quốc gia Cát Tiên được UNESCO công nhận là một trong những khu dự trữ sinh quyển thế giới tại Việt Nam năm 2005, nơi cư ngụ của 40 loài động vật có trong Sách đỏ thế giới, đặc biệt là loài tê giác một sừng.

Tổng hợp cả vùng, về tài nguyên thực vật, các nhà khoa học (3) đã công bố kết quả thống kê có 3.480 loài, trong đó có khoảng 3.000 loài thuộc ngành ngọc lan, 400 loài thực vật bậc cao có mạch không hoa, về tài nguyên động vật, theo công bố của Hoàng Ngọc Phong, Nguyễn Văn Phú “ở Tây Nguyên có 525 loài động vật có xương sống trên cạn, trong đó có 102 loài thú, 323 loài chim,... Đặc biệt ở Tây Nguyên có 32 loài động vật hoang dã quý hiếm có tên trong sách đỏ” (4).

Như thế, vùng Tây Nguyên là một vùng thiên nhiên, văn hóa có nhiều đặc thù. Bởi nơi đây có khí hậu mát mẻ quanh năm mang đặc trưng của vùng ôn đới trong lòng vùng nhiệt đới, với thời tiết bốn mùa xuân, hạ, thu, đông hiện hữu ngay trong một ngày, nên Tây Nguyên là mảnh đất được nhiều du khách ưa thích khi cần tránh nóng mùa hè. Và với hệ thống tài nguyên thiên nhiên phong phú, cảnh quan hùng vĩ, nhiều hồ thơ mộng trên núi, những thác nước tung bọt trắng xóa, với các vườn quốc gia, khu dự trữ sinh quyển thế giới đặc sắc, có nhiều loài thực vật, động vật quý hiếm, Tây Nguyên trở thành vùng có tài nguyên du lịch đặc sắc và nổi trội để phát triển các sản phẩm du lịch sinh thái.

Cộng đồng người thiểu số và du lịch sinh thái

Có nhiều cách hiểu về du lịch sinh thái trong giới quản lý và nghiên cứu du lịch, văn hóa. Theo Chương trình Môi trường Liên hợp quốc (UNEP, 2002), du lịch sinh thái là loại hình du lịch dựa vào thiên nhiên với các tiêu chí: i/ Là loại hình du lịch dựa vào thiên nhiên và văn hóa bản địa, thường được triển khai tại nơi thiên nhiên còn hoang sơ; ii/ Có hoạt động giáo dục môi trường và diễn giải môi trường; iii/ Có hoạt động giảm thiểu tác động đến tài nguyên và văn hóa; iv/ Có hỗ trợ cho hoạt động bảo tồn; v/ Có mang lại lợi ích cho cộng đồng địa phương.

Gần đây, “Hai loại hình du lịch đã được xác định là du lịch đại chúng (mass tourism) và du lịch chọn lọc (alternative tourism). Trong những năm qua, du lịch chọn lọc đã được phân chia rộng hơn thành du lịch thiên nhiên, du lịch dựa vào cộng đồng nông thôn, và du lịch hướng tới sự kiện văn hóa. Do đó, khái niệm “du lịch sinh thái” (ecotourism) được sinh ra từ du lịch thiên nhiên. Ngày nay, theo Hall, du lịch sinh thái được xem như là một sự xâm nhập dễ dàng vào các thị trường du lịch còn khuyết thiếu, dựa trên nguồn cung

bất tận các sản phẩm tự nhiên và hướng tới các ý tưởng về tính bền vững và nhận thức về môi trường. Tuy nhiên, Hall cũng khẳng định rằng ý nghĩa cụ thể và hàm ý của thuật ngữ này không thực sự rõ ràng. Fennell & Dowling có cái nhìn cô đọng hơn về du lịch sinh thái, theo đó, ít nhất ba thành tố của du lịch sinh thái cần phải được phân biệt rõ: i/ trải nghiệm tiếp xúc gần gũi với thiên nhiên và con người từ các nền văn hóa khác nhau; ii/ lựa chọn các hình thức du lịch nhằm tối đa hóa thu nhập cho người nghèo hơn là các công ty du lịch lớn; iii/ giảm thiểu tác động môi trường của du lịch một cách tổng thể” (5). Dù cách hiểu nội hàm thuật ngữ du lịch sinh thái chưa thống nhất cao, nhưng tiêu chí cho du lịch sinh thái thì rất rõ ràng như trên. Tiếp xúc với thiên nhiên hoang dã giúp con người cảm nhận vẻ đẹp thiên nhiên là một trong những mục tiêu hướng tới của du lịch sinh thái, thì Tây Nguyên là vùng đất đáp ứng được yêu cầu này.

Mặt khác, trên địa bàn Tây Nguyên hiện tại, có 3 nhóm dân tộc: dân tộc tại chỗ, dân tộc Kinh (Việt) và dân tộc thiểu số mới đến. Nói đến cộng đồng các dân tộc thiểu số tại chỗ ở Tây Nguyên, Việt Nam là nói đến cộng đồng cư dân ngữ hệ Nam Đảo (Malayo Polynesi) gồm các dân tộc: Gia Rai, Ê Đê, Chu Ru và cộng đồng cư dân Nam Á (Môn-Khmer) gồm các dân tộc: Ba Na, Cơ Ho, Xơ Đăng, Mơ Nông, Mạ, Giê Triêng, Rơ Măm, Brâu. Cả hai cộng đồng dân cư này đều cư trú thành làng, tên gọi tùy theo cộng đồng từng dân tộc. Nếu người Gia Rai, người Chu Ru gọi *plei*, người Ba Na gọi *plor*, thì người Cơ Ho gọi *bon*, người Ê Đê gọi *buôn*, v.v... Trong ngôn ngữ của các dân tộc thiểu số tại chỗ không có từ để chỉ một đơn vị xã hội cao hơn làng, dù tiếng Ba Na hay Gia Rai, Ê Đê có từ T'ring chỉ một liên minh làng, có huyền thoại về các Potao Ia (dịch tạm sang tiếng phổ thông là vua Nước), Pơ tao Puih (dịch tạm sang tiếng phổ thông là vua Lửa) gợi nhớ về

một đơn vị xã hội cao hơn làng thời xa xưa của các dân tộc này. Tuy nhiên, theo các nhà dân tộc học, chẳng hạn như P. Guylêminê, t'ring không có tên gọi, không có người đứng đầu. Các Pơ tao Puih, Ia, là các thầy phù thủy hơn là người đứng đầu một đơn vị thể quyền. Cộng đồng làng của các dân tộc thiểu số tại chỗ ở đây, như thể khác biệt với cộng đồng làng của người Kinh (Việt) ở miền xuôi từ Bắc vào Nam, của Việt Nam. Nếu cộng đồng làng của người Kinh (Việt) ở miền xuôi, nhất là khu vực châu thổ Bắc Bộ sinh sống với nghề trồng lúa nước, tự cấp tự túc trong một làng thì có đơn vị xã hội cao hơn: xã (đương nhiên có hiện tượng nhất thôn, nhất xã), tổng thì các dân tộc thiểu số tại chỗ Tây Nguyên không như vậy.

Trước hết, cần thấy các dân tộc thiểu số tại chỗ ở Tây Nguyên, “dù thuộc dân tộc nào, đều định cư trong từng làng tự trị hay độc lập, và lấy hoạt động trồng lúa khô trên rẫy làm nguồn chính để nuôi thân... Để trồng trọt, con người phải định cư lại thành từng làng, đơn vị tập hợp người hoàn chỉnh nhưng nhỏ nhất, mỗi làng chiếm lĩnh một địa bàn có ranh giới rõ ràng, mà làng khác không được xâm phạm đến, không thể thì xảy ra chiến tranh” (6). Nói đến các dân tộc thiểu số tại chỗ ở Tây Nguyên, phải thấy sự gắn bó với rừng của họ. Trong tâm thức lẫn hành động hàng ngày, mỗi làng đã được Yang trao cho một phạm vi, một không gian rừng cụ thể, có ranh giới hết sức rõ ràng, bất khả xâm phạm, thiêng liêng, bất di bất dịch. Làng là tập thể cộng đồng làng, nói theo ngôn ngữ của các nhà khoa học, “đất và rừng là quyền sở hữu tập thể của cộng đồng làng”. Rừng của mỗi làng các dân tộc thiểu số tại chỗ này “ít nhất là bốn loại:

- Rừng đã biến thành đất thổ cư...
- Rừng được dành để làm rẫy luân canh...
- Rừng là nơi dân làng lấy những vật dụng cần thiết trong đời sống hàng ngày, con ong, cái mật, sợi dây, cây gỗ để làm nhà...

- Rừng thiêng (rừng ma) nơi trú ngụ của thần linh, không ai được động đến, thường là rừng đầu nguồn, được gìn giữ dưới một vỏ bọc tôn giáo, tín ngưỡng.

Có đủ bốn loại rừng ấy thì một làng mới tồn tại được, mới là làng” (7). Đó chính là “không gian xã hội” mà G. Condominas (1921-2011) gọi khi ông đề cập đến các dân tộc thiểu số ở đây trong tác phẩm *Không gian xã hội vùng Đông Nam Á* (1997), tác phẩm kinh điển của ngành nhân học thế giới. Như thế, du lịch sinh thái ở Tây Nguyên gắn với hai nền tảng: rừng và cộng đồng làng. Các vườn quốc gia, tiền đề, nơi đến của du lịch sinh thái Tây Nguyên, rõ ràng là rừng, và đương nhiên gắn bó với làng, cộng đồng làng.

Thực trạng vai trò cộng đồng trong phát triển du lịch sinh thái ở Tây Nguyên

Bức tranh toàn cảnh kinh tế vùng Tây Nguyên, Việt Nam đã có những thay đổi, các làng người thiểu số tại chỗ có biến đổi cả đời sống vật chất lẫn tinh thần. Những năm qua, Chính phủ đã dành nguồn lực từ Chương trình 168, 135 và các chương trình mục tiêu quốc gia khác để đầu tư phát triển vùng Tây Nguyên. Vì thế, trong vùng dân tộc thiểu số, thí điểm giao khoán 116.470ha rừng cho 7.320 hộ thiểu đất sản xuất. Tuy nhiên, mối liên hệ giữa con người và rừng bị hạn chế. Nếu trước đây, rừng là nguồn sinh kế quan trọng nay con người không còn khả năng tiếp cận nguồn tài nguyên rừng thì nguồn sinh kế ấy bị suy giảm, nếu rừng từng là không gian tâm linh của cộng đồng các dân tộc thiểu số tại chỗ thì nay sinh hoạt văn hóa-tín ngưỡng gắn với rừng cũng thưa vắng, rừng nhạt nhòa vai trò không gian tâm linh của người dân. Nguồn lợi từ rừng dần bị co lại. Số liệu điều tra của các nhà khoa học trong công trình *Hướng tới phát triển bền vững Tây Nguyên* năm 2014 cho thấy các số liệu của các hoạt động khai thác tài nguyên rừng (8).

<i>STT</i>	<i>Các hoạt động khai thác nguồn tài nguyên rừng</i>	<i>Tỷ lệ %</i>
1.	Làm nương rẫy	68,82
2.	Săn bắn	1,61
3.	Hái lượm	28,34
4.	Lấy củi đun	64,44
5.	Lấy gỗ	5,91
6.	Tổ chức lễ hội	8,29

Đáng lưu tâm là hình thức canh tác nương rẫy chiếm tỉ lệ cao nhất: 68,82%. Bức tranh này khiến cho chúng ta khi đánh giá thực trạng vai trò cộng đồng với phát triển du lịch sinh thái phải suy nghĩ. Trong năm 2018, tổng lượng khách du lịch đến các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên khoảng 56 triệu lượt khách, khách quốc tế là 9,5 triệu lượt (cả nước là 15,5 triệu lượt). Chưa chia tách khách theo hình thức du lịch sinh thái, cũng như chưa chia tách lượng khách giữa các tỉnh Tây Nguyên và các tỉnh miền Trung, rõ ràng du lịch Tây Nguyên những năm gần đây đã phát triển. Bởi nói đến Tây Nguyên là nói đến vùng thuận lợi cho phát triển du lịch. Nhiều dạng cảnh quan: vùng núi cao, vùng cao nguyên bằng phẳng, vùng thung lũng - đồng bằng và gắn với các dạng cảnh quan là các tiểu vùng khí hậu: vùng cận nhiệt đới, vùng ôn đới, vùng hàn đới, vì thế Tây Nguyên là vùng lý tưởng cho phát triển du lịch sinh thái. Vấn đề đặt ra là vai trò của cộng đồng trong phát triển du lịch sinh thái ở đây. Ở Việt Nam, theo *Luật du lịch 2005, điều 4, khoản 19* thì du lịch sinh thái là hình thức du lịch dựa vào thiên nhiên và gắn với bản sắc văn hóa địa phương với sự tham gia của cộng đồng nhằm phát triển bền vững. Trong khi đó, *Luật du lịch năm 2017, điều 3, khoản 16* lại nhấn mạnh du lịch sinh thái là hình thức du lịch dựa vào thiên nhiên, gắn với bản sắc văn hóa địa phương, có sự tham gia của cộng đồng dân cư, kết hợp giáo dục về bảo vệ môi trường. Các

đặc trưng của du lịch sinh thái, theo các nhà nghiên cứu du lịch nhấn mạnh đến các chuyến đi, đến các chốn thiên nhiên, giảm thiểu tác động môi trường, nâng cao nhận thức về môi trường thiên nhiên, cung cấp lợi ích tài chính cho công tác bảo tồn và người địa phương, tôn trọng văn hóa và con người địa phương (9). Vậy, phát triển du lịch sinh thái ở Tây Nguyên luôn phải đặt ra hai phương diện: thiên nhiên của vùng Tây Nguyên và vai trò của cộng đồng ở Tây Nguyên. Với thiên nhiên ở Tây Nguyên, thuận lợi cho phát triển du lịch sinh thái. Du khách về với thiên nhiên vùng Tây Nguyên là về với một không gian nhiều cảnh đẹp kỳ thú, các vườn quốc gia trên địa bàn Tây Nguyên như vườn Yok Đôn, vườn Kon Ka Kinh, vườn Chư Yang Sin đều là những điểm đến du lịch hấp dẫn. Đáng quan tâm là vai trò cộng đồng ở đây. Khác với tổ chức cộng đồng của cư dân các địa phương khác, làng của cư dân các dân tộc thiểu số tại chỗ vận hành theo phương thức tự quản với chế độ già làng, roi rớt của thời công xã nguyên thủy như F. Angghen viết: “trong mỗi công xã đó, có một số lợi ích chung nào đó mà việc gìn giữ phải trao cho cá nhân, tuy có sự kiểm soát của toàn thể: như là xét xử những vụ tranh chấp; trừng phạt những kẻ lạm quyền..., là những chức năng tôn giáo do tính chất nguyên thủy và dã man của hoàn cảnh” (10). Hạn chế rõ nhất của phát triển du lịch sinh thái Tây Nguyên những năm qua là không chú ý đặc thù của cộng đồng ở đây. Là một tổ chức tự quản, làng của các dân tộc thiểu số tại chỗ, người thủ lĩnh làng, người hoạt động tôn giáo tín ngưỡng hay gọi cách khác già làng, mà ở một số làng, một số tộc người không chỉ là một cá nhân, mà là một nhóm người có nhiệm vụ lãnh đạo mà người dân tộc thiểu số gọi là hội đồng già làng. Mọi sinh hoạt tập thể của làng qui tụ quanh nhân vật trung tâm là thủ lĩnh của làng. Uy tín, vị thế của người này phụ thuộc vào tuổi tác, tri thức và tài sản của họ,

họ được dân làng ngưỡng mộ, trọng vọng, trở thành người dẫn dắt cả cộng đồng làng. Người Stiêng gọi là *bù kuông* (người bề trên, người lớn hơn về vị trí xã hội), người Chu Ru gọi là *tha ploi* (người nhiều tuổi, am hiểu cuộc sống và truyền thống), người Mnông Gar gọi là *kro ver tom bri bon* (người thiêng trong rừng, trong làng) v.v... Thăng trầm lịch sử, biến đổi xã hội đã khiến thiết chế tự quản và chế độ già làng phai nhạt, nhưng nó vẫn có vị trí đậm nét trong đời sống các dân tộc thiểu số tại chỗ. Vì thế, phát triển du lịch sinh thái không tranh thủ chế độ tự quản và các già làng thì tính bền vững của nó khó mà đạt được. Chưa kể, trong các hoạt động của các già làng có hoạt động tôn giáo-tín ngưỡng. Nhiều hoạt động diễn ra trong các khu rừng mà theo các dân tộc thiểu số tại chỗ gọi là rừng thiêng. Quá trình thế tục hóa không phải không xuất hiện trong các vườn quốc gia hay khu bảo tồn thiên nhiên. Chẳng hạn vườn quốc gia Bidoup-núi Bà, việc cho thuê môi trường rừng, cho tự tổ chức kinh doanh du lịch sinh thái trên phạm vi rừng rộng tới 300ha, Vị thế của rừng thiêng của các làng người Cơ Ho Cil quả là giảm dần. Vì thế, già làng khó có thể phát huy vai trò của mình với cộng đồng. Và cộng đồng khó có vị thế trong phát triển du lịch sinh thái. Ý thức cộng đồng không chỉ phôi được tư duy, tâm lý của con người thuộc các dân tộc thiểu số tại chỗ ở Tây Nguyên. Sự tham gia của cộng đồng với du lịch sinh thái ở Tây Nguyên, rõ ràng không mạnh mẽ như ở miền xuôi, và khi sự tham gia của cộng đồng không nhiều, thì thu nhập của họ cũng khó mà thay đổi và nâng cao xứng đáng với truyền thống văn hóa mà người dân ở đây nắm giữ.

Phát triển sản phẩm du lịch đặc thù ở Tây Nguyên, du lịch sinh thái, du lịch văn hóa và cộng đồng

Từ phía cơ quan quản lý, Chính phủ Việt Nam trong *Chiến lược phát triển du lịch Việt*

Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (11) đã xác định “Vùng Tây Nguyên, gồm: Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng. Sản phẩm du lịch đặc trưng: Du lịch sinh thái, du lịch văn hóa khai thác các giá trị văn hóa độc đáo của các dân tộc Tây Nguyên”. Khi phê duyệt qui hoạch tổng thể phát triển du lịch vùng Tây Nguyên đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030, Chính phủ Việt Nam cũng xác định “Phát triển đồng thời du lịch văn hóa, du lịch sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng núi, trong đó lấy du lịch văn hóa với hạt nhân là giá trị văn hóa các dân tộc Tây Nguyên làm nền tảng để phát triển các loại hình du lịch; phát triển du lịch đồng thời với việc bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa các dân tộc Tây Nguyên”, đồng thời “Phát triển sản phẩm du lịch.

- Ưu tiên phát triển các nhóm sản phẩm chính:

+ Nhóm sản phẩm du lịch nghiên cứu, tìm hiểu di sản văn hóa các dân tộc;

+ Nhóm sản phẩm du lịch sinh thái Tây Nguyên;

+ Nhóm sản phẩm du lịch nghỉ dưỡng núi và hồ trên núi” (12). Đồng thời, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cũng xác định trong Đề án “Chiến lược phát triển sản phẩm du lịch đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”: “Phát triển các sản phẩm du lịch văn hóa gắn với di sản, lễ hội, tham quan và tìm hiểu văn hóa, lối sống địa phương; phát triển du lịch làng nghề và du lịch cộng đồng kết hợp nghỉ tại nhà dân: Đẩy mạnh phát triển các sản phẩm sinh thái, chú trọng khám phá đa dạng sinh học, hang động, du lịch núi, du lịch sinh thái nông nghiệp, nông thôn” (13). Cụ thể, ở Tây Nguyên sẽ hình thành 3 địa bàn trọng điểm du lịch với những sản phẩm du lịch đặc trưng, 4 khu du lịch quốc gia, dự tính đến năm 2025 thu hút 1, 2 triệu lượt khách du lịch quốc tế, 5, 1 triệu khách du lịch nội địa. Tuy nhiên,

hiện tại các tỉnh Tây Nguyên, Việt Nam đang đối mặt với nhiều thách thức. Đầu tiên là thách thức về môi trường. Nạn chặt phá rừng chưa kiểm soát được, nên hệ sinh thái bị tác động mạnh mẽ, diện tích rừng khộp, rừng thường xanh giảm mạnh. Nạn săn bắn động vật hoang dã, loại thú hiếm như voi, bò rừng v.v... làm giảm sự đa dạng sinh học. Nạn ô nhiễm nguồn nước, giảm lưu lượng nguồn nước trên lưu vực sông Serepok, sông Se San, sông Đa Nhim do tác động từ xây các thủy điện làm ảnh hưởng các thác nước được xem là hùng vĩ nhất Việt Nam. Nhiều hồ nước tự nhiên ở Tây Nguyên có giá trị du lịch như Biển Hồ (tỉnh Gia Lai), hồ Lắk (tỉnh Đắk Lắk), hồ Tuyên Lâm (tỉnh Lâm Đồng) bị suy giảm do tình trạng cạn kiệt. Thứ hai là phát triển các sản phẩm du lịch đặc thù của vùng Tây Nguyên như du lịch sinh thái, du lịch văn hóa đều gắn bó với thiên nhiên: rừng, hồ nước, thác nước v.v... Thứ hai là tính nguyên tắc của hoạt động du lịch sinh thái khuyến khích vai trò cộng đồng, mang lại lợi ích cho cộng đồng, để cộng đồng phát huy văn hóa truyền thống của dân tộc mình chưa được quán triệt và thực hiện. Chẳng hạn, khu Măng Đen, huyện Kon Plông của tỉnh Kon Tum, đây là thiên đường sinh thái ở độ cao hơn 1.200m so với mực nước biển, khí hậu ôn đới quanh năm mát mẻ, dao động từ 16-22 độ C, được ví như một Đà Lạt thứ hai của Tây Nguyên, nhưng còn hoang sơ, được rừng nguyên sinh bao bọc, độ che phủ hơn 80% diện tích tự nhiên, có ba hồ bảy thác. Ở đây, đã phát triển Khu du lịch sinh thái quốc gia Măng Đen với Khu Resort sinh thái Resort Đắk Ke - Măng Đen, khu du lịch sinh thái thác Pa Sỹ, làng du lịch cộng đồng Kon Pring... Cư dân ở đây có người Rơ Măm, Mơ Nâm, Xê Đăng, H're, K'dong, họ có những lễ hội như lễ hội giọt nước của dân tộc Xơ Đăng, lễ hội ăn lúa thừa của tộc người Kơ Dong (một nhánh của dân tộc Xê Đăng); lễ hội ăn lúa mới, lễ hội đâm trâu mừng nhà rông mới, lễ hội bắn ná, lễ làm chuông trâu của tộc người Ka Dong, Mơ

Nâm (dân tộc Xê Đăng) và dân tộc H'rê. Mặt khác, Măng Đen còn được công nhận là Khu di tích lịch sử văn hoá và thắng cảnh từ năm 2000 bởi Bộ Văn hoá - Thông tin nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Vì thế, phát triển du lịch sinh thái ở Măng Đen huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum, rõ ràng phải kết hợp với du lịch văn hóa, khai thác vẻ huyền ảo, hoang sơ của thiên nhiên và khai thác văn hóa của các dân tộc thiểu số tại chỗ, cũng như lịch sử của vùng đất,

Nói chung, từ trường hợp Măng Đen, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum, tôi nghĩ, phát triển du lịch sinh thái ở Tây Nguyên, Việt Nam cần tập trung giải quyết một số vấn đề sau:

- Thứ nhất là nâng cao nhận thức của cộng đồng về phát triển du lịch sinh thái ở Tây Nguyên, làm sao để cộng đồng hiểu rõ những yêu cầu của phát triển du lịch sinh thái: vai trò của cộng đồng trong giữ gìn giá trị của thiên nhiên, của văn hóa tộc người nơi đây. Phải tạo cơ hội cho cộng đồng có thu nhập cao như chính yêu cầu của du lịch sinh thái như quan niệm về loại hình du lịch này của UNEP (2002). Với người dân các dân tộc thiểu số tại chỗ ở Tây Nguyên, đây là một thách thức không hề nhỏ.

- Thứ hai là khi phát triển sản phẩm du lịch, chú ý phát triển những sản phẩm du lịch đặc thù, mang biểu tượng của vùng đất, để sản phẩm chứa đựng những giá trị của thiên nhiên, lịch sử, văn hóa tộc người nơi đây. Giá trị và giá cả các sản phẩm du lịch cần đặt trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam vận hành theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Thứ ba là đào tạo đội ngũ những hướng dẫn viên du lịch, chú trọng con em các dân tộc thiểu số tại chỗ. Chưa kể những tri thức về du lịch, phải đánh thức để những tri thức về văn hóa truyền thống của tộc người có trong tâm

thức, tiềm thức của họ, để những tri thức ấy bùng thức khi giới thiệu với khách du lịch. Phải để văn hóa rừng trở lại với cộng đồng, tạo cho cộng đồng giới thiệu văn hóa rừng của các tộc người thiểu số tại chỗ với du khách. Làm sao thu hút, phát triển khách du lịch sinh thái ở Tây Nguyên, khắc phục hiện tượng khách du lịch đến một lần ở các điểm du lịch.

- Thứ tư là xây dựng các văn bản chính sách nhằm tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc hiện nay, hạn chế những vấn nạn đang đặt ra trong thực tiễn phát triển du lịch sinh thái ở Tây Nguyên. Chú trọng xây dựng và triển khai trong thực tiễn những văn bản liên quan đến bảo vệ và phát huy giá trị của cảnh quan thiên nhiên, của văn hóa tộc người ở đây. Đơn cử, trong bối cảnh hiện tại, các rừng thiêng của đồng bào phải được quan tâm trong các vườn quốc gia, các khu dự trữ thiên nhiên, những già làng, hội đồng già làng trong các làng phải được hoạt động, nhất là trong các hoạt động quan hệ với rừng, rừng thiêng. Tạo cơ hội cho già làng truyền dạy cho thế hệ kế tiếp những tri thức dân gian về rừng, rừng thiêng mà họ có được trong cuộc đời.

- Thứ năm là ứng dụng mọi thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 trong phát triển du lịch sinh thái ở Tây Nguyên, từ xây dựng Ngân hàng dữ liệu (data bank), big data đến xuất bản các sách 3D về loại hình, thể loại di sản văn hóa vật thể, phi vật thể của các dân tộc thiểu số tại chỗ ở Tây Nguyên, từ sử dụng các phương tiện truyền thông đại chúng truyền thống (mass media) đến các phương tiện truyền thông mới (new media) trong quảng bá về vùng Tây Nguyên nói chung, du lịch Tây Nguyên, trong đó có du lịch sinh thái nói riêng.

Kết

Vùng Tây Nguyên của Việt Nam là một vùng đất có nhiều đặc thù cho phát triển du lịch sinh thái. Cộng đồng của các dân tộc

thiếu số tại chỗ ở đây lại càng có nhiều đặc thù, tạo cơ hội và thách thức cho phát triển du lịch sinh thái ở đây. Những năm qua, Chính phủ Việt Nam đã tiến hành khá nhiều công việc để phát triển kinh tế - xã hội ở Tây Nguyên. Ngành du lịch nói chung, du lịch sinh thái nói riêng đã có những khởi sắc, nhưng không phải không còn những vấn nạn, thách thức. Nhiều vấn đề đặt ra, đòi hỏi sự quan tâm giải quyết của các nhà khoa học, các nhà quản lý về văn hóa, du lịch và cộng đồng nơi đây, mà bài viết của tác giả, mới chỉ là một phác thảo cần trao đổi, bàn bạc thêm./

Tháng 8 - 2019

N.C.B

1. Nxb. Giáo dục, Hà Nội (1998), tái bản lần thứ 20, tr. 220-294.

2. Xin xem thêm Tô Ngọc Thanh, Nguyễn Chí Bền (2006), *Kiệt tác truyền khẩu và di sản phi vật thể của nhân loại, Không gian văn hóa công cộng vùng Tây Nguyên*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.

3. Xin xem Lê Văn Khoa, Phạm Quang Tú đồng chủ biên (2014), *Hướng tới phát triển bền vững Tây Nguyên*, Nxb. Tri thức, Hà Nội, tr. 95.

4. Dẫn theo Lê Văn Khoa, Phạm Quang Tú đồng chủ biên (2014), tldd, tr. 98.

5. Nguyễn Minh Đạo và Trần Quang Bảo, *Du lịch sinh thái trong các vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên khu vực miền Trung và Tây Nguyên, lý thuyết và thực tiễn*, tham luận hội thảo quốc tế in trong Kỷ yếu hội thảo quốc tế *Bảo tồn đa dạng sinh học và phát triển bền vững miền Trung và Tây Nguyên lần thứ I*, thành phố Đà Nẵng 21-7-2018, bản thảo.

6. Nguyễn Từ Chi (1996), *Góp phần nghiên cứu văn hóa và tộc người*, Nxb. Văn hóa thông tin, Tạp chí Văn hóa nghệ thuật, Hà Nội, tr. 521.

7. Lê Văn Khoa - Phạm Quang Tú, tldd, tr.172.

8. Lê Văn Khoa - Phạm Quang Tú, tldd, tr.188.

9. Xin xem Nguyễn Minh Đạo và Trần Quang Bảo, tldd.

10. *Chống Duy linh* (1971), Nxb. Sự thật, Hà Nội, tr. 304.

11. Quyết định số 2473-QĐ-TTg ngày 30-12-2011.

12. Quyết định số 2162 QĐ-TTg ngày 21-11-2013.

13. Quyết định số 2714/QĐ-BVHTTDL ngày 3-8-2016.

Nguyễn Chí Bền: *Community and ecotourism development in the Central Highlands of Vietnam*

The Central Highlands of Vietnam is a cultural region with many peculiarities. In terms of cultural heritage, the space of Gong culture in the Central Highlands was inscribed by the UNESCO on the Representative List of the Intangible Cultural Heritage of Humanity in 2005/2008. Besides, this region has many other valuable forms of tangible and intangible cultural heritage as well as favorable conditions for ecotourism development. As it is the home of 11 native ethnic groups belonging to two different language families, including Austroasiatic groups (Ba Na, Brâu, Cơ Ho, Giẻ Triêng, Mạ, Mnông, Rơ Măm, Xơ Đăng) and Malayo Polynesia groups (Ê Đê, Gia Rai, Chu Ru), the community that inhabits the Central Highlands has many peculiarities in its structure and operation model. The paper, thus, initially analyzes the role of community in the development of ecotourism in the Central Highlands of Vietnam. They are people who present the attractive wildness of the highland as well as its fauna and flora. They are also performers who showcase elements of Gong culture (the dance of xoang, Gong playing and Gong repairing) and many other kinds of music instruments only seen in this region (Trưng and Klong pút). Based on these analyses, the paper presents some recommendations aiming to the improvement of the role of community in the development of ecotourism in the Central Highlands of Vietnam.

Keywords: Community, ecotourism, Central Highland of Vietnam.